

Số: 57/ QC-TrMNNT

Mường Thanh, ngày 09 Tháng 9 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Chuyển đổi số trường mầm non Nam Thanh năm 2025 -2026

Căn cứ Công văn số 4445/UBND-KGVX ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Công văn số 2615/KH-SGDĐT ngày 29/8/2025 của sở giáo dục & Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non, năm học 2025-2026

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường MN Nam Thanh xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm học 2025-2026 như sau :

### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024-2025

#### 1. Nhận thức số

Nhà trường đã tiếp nhận và triển khai Kế hoạch Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phổ biến, quán triệt các nội dung Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Kế hoạch số 718/KH-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh về việc Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động cán bộ viên chức, người lao động; học sinh và phụ huynh Nhà trường đã triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10/ đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, học sinh và phụ huynh trong toàn trường.

Tích cực tham gia phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số. Đến nay, hầu hết cán bộ viên chức, người lao động trong nhà trường đều nắm bắt được tầm quan trọng và các nội dung về chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo. Tích cực phấn đấu, quyết tâm thực hiện thành công các nội dung chuyển đổi số theo kế hoạch đã đề ra.

#### 2. Hạ tầng số

Nhà trường hiện có trên 7 máy tính phục vụ cho công tác văn phòng, công tác dạy và học tại nhà trường, số lượng máy chiếu, và các thiết bị dạy học cơ bản đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng. nhà trường đều có kết nối Internet tốc độ cao và phủ sóng

Wifi trong đơn vị để phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên.. Về cơ bản, hạ tầng số ngành Giáo dục đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đào tạo công dân số.

### **3. Dữ liệu số**

Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật đầy đủ và kịp thời cơ sở dữ liệu cán bộ, viên chức, người lao động; học sinh trong toàn ngành lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các hệ thống cơ sở dữ liệu khác của tỉnh, thành phố. Thực hiện tốt công tác làm sạch dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, liên thông, xác thực thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Yêu cầu toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID trên điện thoại thông minh và thực hiện định danh điện tử mức độ 2.

Tại thời điểm báo cáo tỷ lệ thực hiện đạt 100%. Nhà trường đang triển khai thực hiện công tác số hoá hồ sơ sổ sách, số hoá hồ sơ các dịch vụ công, sổ điểm điện tử theo quy định và định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nền tảng số Nhà trường đã triển khai sử dụng hiệu quả các nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của thành phố, tỉnh và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay nhà trường đang triển khai và sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, dạy và học như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục, phần mềm quản lý hồ sơ công việc... Nhà trường đã triển khai phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia ngành giáo dục đạt tỷ lệ 100%; Nhà trường đã và đang triển khai sử dụng hồ sơ sổ sách điện tử đạt tỷ lệ 100%.

5. Nhân lực số Số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học từ chứng chỉ trở lên đạt tỷ lệ 100%. Về cơ bản cán bộ, giáo viên trong nhà trường đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin, tin học văn phòng; kỹ năng sử dụng các phần mềm phục vụ quản lý, dạy và học; kỹ năng soạn giảng bài giảng trình chiếu, bài giảng điện tử; kỹ năng khai thác internet và thư điện tử trong công việc; kỹ năng bảo hành, bảo trì, khắc phục sự cố máy tính của đơn vị; kỹ năng về an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu. Hiện chưa có cán bộ phụ trách CNTT có trình độ chuyên sâu về quản trị mạng, an toàn, an ninh thông tin.

Nhà trường tiếp tục thực hiện đẩy mạnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề kỹ năng khai thác, sử dụng internet, thư điện tử, kỹ năng thiết kế trình chiếu, bài giảng điện tử, kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng, hỗ trợ dạy học, kỹ năng xử lý sự cố máy tính, kỹ năng phòng chống nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, giáo viên. 100% giáo viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn vào dịp hè và các chương trình tập huấn khác.

6. An toàn thông tin mạng Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu trong phạm vi nhà trường. Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quán triệt về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu, hoạt động Cổng/Trang thông tin điện tử... Tiếp nhận kịp thời các

cảnh báo nguy cơ gây mất an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu của các cơ quan chuyên ngành và triển khai thực hiện trong phạm vi toàn ngành. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống máy tính, máy chủ, hệ thống mạng. Thường xuyên rà soát, khắc phục nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ gây mất an toàn thông tin, phòng chống thư rác, mã độc nguy hiểm... Trong năm không có trường hợp bị tấn công mạng, cài cắm mã độc gây mất an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu.

## **7. Chính quyền số**

Nhà trường hiện đang sử dụng hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, thực hiện ban hành văn bản điện tử ký số và gửi, nhận văn bản điện tử với tỷ lệ 100% qua mạng (trừ các văn bản mật theo quy định). Thực hiện đầy đủ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, Chính phủ; Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ cấp cho ngành GDĐT một cách hiệu quả, đúng mục đích. Ngoài ra, ngành GDĐT cũng triển khai sử dụng hệ thống email công vụ với tên miền riêng dienbien.edu.vn hệ thống email do Bộ GDĐT cấp với tên miền moet.edu.vn. Thường xuyên rà soát để chuẩn hoá quy trình, hồ sơ và các bước thực hiện thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của đơn vị. Triển khai và sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý bằng quy trình điện tử thống nhất từ Sở GDĐT đến Phòng GDĐT và các nhà trường.

## **8. Kinh phí thực hiện**

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo phân bổ kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên, các nguồn vốn xã hội hóa để mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học cho các nhà trường.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024-2025**

Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt các nội dung liên quan đến Chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành GDĐT giai đoạn 2022- 2025; Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 ngành Giáo dục thành phố năm 2023. Nhà trường đã thực hiện hoàn thành đúng hạn các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong năm .

## **III. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025-2026**

1 . Căn cứ lập kế hoạch Kế hoạch số *Căn cứ Công văn số 4445/UBND-KGVX ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên*

*Căn cứ Công văn số 2615/KH-SGDĐT ngày 29/8/2025 của sở giáo dục & Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non, năm học 2025-2026*

2. Mục tiêu Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật về công nghệ thông tin đảm bảo đủ, hoạt động ổn định, hiệu quả lâu dài, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong công tác quản lý, và các hoạt động chuyên môn; Nhà trường được kết nối Internet tốc độ cao, kể cả các điểm trường lẻ\ Nhà trường có Cổng/Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử và được kết nối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Hệ thống dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình được cung cấp đầy đủ trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, được tích hợp trên hệ thống dịch vụ công của tỉnh và cổng dịch vụ công quốc gia

Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để triển khai thực hiện dịch vụ công thiết yếu Ngành Giáo dục Thống nhất việc sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong toàn ngành, đảm bảo tỷ lệ 100% văn bản đi, đến được gửi, nhận trên phần mềm sử dụng chữ ký số điện tử (trừ các văn bản mật); 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp và sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ trong công việc; 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê ngành GDĐT kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ và đáp ứng yêu cầu kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt; Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ hoạt động các nhà trường.

Triển khai giải pháp an toàn thông tin theo cấp độ; mục tiêu 100% cơ quan, đơn vị không xảy ra tình trạng lộ, lọt các thông tin quan trọng; mất an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu.

### **3. Nhiệm vụ**

#### **3.1. Nhận thức số**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 Thường xuyên cập nhật thông tin và tham gia các kênh truyền thông về chuyển đổi số để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất. Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh, viết bài, đăng bài trên Cổng/Trang thông tin điện tử.

Bổ trí cán bộ, công chức tham gia tập huấn nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc; khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tự bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu trong cơ quan.

3.2. Thể chế số Tích cực tham gia vào công tác tham mưu xây dựng ban hành bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo hoàn thiện môi trường chính sách trong quá trình chuyển đổi số. Rà soát bổ sung đầy đủ các quy định, quy chế vận hành, triển khai các hệ thống thông tin, quy định rõ các bước theo hướng dẫn của cấp trên và gắn trách nhiệm cụ thể của tập thể, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện.

3.3. Hạ tầng số Tiếp tục tham mưu bố trí nguồn kinh phí hợp lý để đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý, dạy và học trong phạm vi toàn ngành theo hướng đồng bộ, tiết kiệm, hiệu quả sử dụng lâu dài; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho quá trình đổi mới nội dung, phương pháp dạy học Tiếp tục đảm bảo cơ sở hạ tầng mạng thông suốt trong toàn ngành, 100% các nhà trường được kết nối internet tốc độ cao, đảm bảo trang bị đủ máy tính cho cán bộ công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trang bị phần mềm diệt virus, phần mềm bản quyền cho các máy tính trong toàn trường; đề đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin trong quá trình xử lý 6 văn bản trên các hệ thống phần mềm, thư điện tử, chữ ký số. Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp; hệ thống phòng họp trực tuyến; Nâng cấp trang thông tin điện tử của Nhà trường; Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT cho Nhà trường.

3.4. Dữ liệu số Tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu của cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động, học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đào tạo theo quy định của Bộ GDĐT. Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục Steam; giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng. Triển khai học bạ điện tử, nền tảng giáo dục trực tuyến. Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập. Triển khai các giải pháp hỗ trợ dạy và học trực tuyến, giáo trình điện tử, phần mềm tuyển sinh, số hóa tài liệu... Chỉ đạo triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt đối với tất cả học sinh các lớp học trong Nhà trường. Xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung trong Nhà trường đảm bảo liên thông giữa Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Nhà trường và kết nối dữ liệu với Trung tâm điều hành thông minh của UBND tỉnh/thành phố. Rà soát hệ thống thư điện tử ngành GDĐT đảm bảo tương ứng với nguồn lực tài khoản của ngành; phần mềm Phổ cập giáo dục- xóa mù chữ; phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; phần mềm Hành chính công; hệ thống website của ngành.

3.5. Nền tảng số Tiếp tục sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, dạy và học như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục, phần mềm thông tin báo cáo của tỉnh, phần mềm thông tin báo cáo Chính phủ, phần mềm quản lý hồ sơ công việc, phần mềm dịch vụ công... Tham mưu Phòng VH-XH phường Mường Thanh phân bổ nguồn kinh phí để triển khai phần mềm quản lý nhà trường, quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử; phần mềm dạy học và các nền tảng khác để hỗ trợ tối ưu công tác quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá; tăng khả năng sáng tạo, truyền đạt lượng kiến thức lớn và trực quan cho học sinh.

3.6. Nhân lực số Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm chắc chuyên môn về CNTT, an toàn thông tin. Bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT, an toàn thông tin đáp ứng việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại Nhà trường. Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của nhà trường thông qua các chương trình bồi dưỡng. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, có điều kiện tự nghiên cứu, tìm tòi, tham gia các diễn đàn CNTT, các cuộc hội thảo khoa học về các chủ đề công nghệ 4.0, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới tư duy sáng tạo. Bố trí cán bộ, công chức tham gia tập huấn nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc; khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tự bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin.

### **3.7. An toàn thông tin mạng**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động và học sinh trong nhà trường Xây dựng, hoàn thiện Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng và dữ liệu. Đầu tư, mua sắm trang thiết bị tường lửa, an ninh, bảo mật, dự báo, cảnh báo truy cập trái phép cho hệ thống; bố trí đầy đủ nguồn nhân lực vận hành an toàn thông tin nhằm đảm bảo không xảy ra tình trạng bị tấn công mạng và dữ liệu, cài cắm mã độc, đánh cắp dữ liệu, chiếm quyền điều khiển các hệ thống thông tin trong toàn ngành. Cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền BKAV cho tất cả các máy tính, đặc biệt là các máy tính chứa dữ liệu quan trọng. Bố trí máy tính riêng, độc lập để soạn thảo văn bản mật theo đúng quy định. Rà soát, bổ sung, bố trí nguồn nhân lực về an toàn thông tin bảo đảm đơn vị nhà trường có ít nhất 01 cán bộ phụ trách. Cử 01 cán bộ phụ trách về an toàn thông tin, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin mạng do cấp trên tổ chức. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại các nhà trường; hoạt động Cổng/Trang thông tin điện tử, Fanpage trên mạng xã hội, đặc biệt là việc thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

3.8. Chính quyền số ; Tiếp tục sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản, thực hiện ban hành văn bản điện tử sử dụng chữ ký số; đảm bảo 100% văn bản được gửi nhận dưới dạng điện tử thông qua trực liên thông trừ các văn bản mật theo quy định. Đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả phần mềm một cửa và một cửa điện tử tại nhà trường, hệ thống dịch vụ công, đặc biệt là dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4. Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ công mức độ 3, 4 đã được tích hợp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia, đảm bảo

100% các hồ sơ được xử lý trước và đúng hạn. Tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong công việc. rà soát, cấp bổ sung tài khoản email công vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành; đình chỉ hoặc xoá bỏ các tài khoản của cán bộ, giáo viên, nhân viên đã nghỉ hưu, chuyển công tác, thôi việc. Nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất đảm bảo các trang thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Duy trì, nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến. Thực hiện phòng họp số; phần mềm quản lý thi đua khen thưởng liên thông về cơ sở dữ liệu dùng chung; thư viện số. Mở rộng cơ sở dữ liệu, tích hợp cơ sở dữ liệu (CSDL) giáo viên, học sinh về kho dữ liệu của SGD. Tăng cường các kênh giao tiếp điện tử: Cổng thông tin - giao tiếp, mạng xã hội và các kênh tương tác đối với phụ huynh. Tiếp tục sử dụng hiệu quả hệ thống kiểm soát công tác chỉ đạo điều hành nhằm thực hiện kịp thời các nhiệm vụ do UBND phường giao, hạn chế tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc.

#### **4. Giải pháp**

Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức qua nhiều kênh thông tin và hình thức khác nhau; tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả các hệ thống dịch vụ của ngành. Triển khai đồng bộ, tổng thể các hệ thống công nghệ thông tin trong toàn ngành đảm bảo kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh và đáp ứng được các yêu cầu về kết nối liên thông, về an toàn an ninh thông tin. Huy động các nguồn lực, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành. Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số,...

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, chuyển giao các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyên đổi số. Tranh thủ các nguồn lực, xã hội hóa để đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cơ sở vật chất, các ứng dụng phục vụ người dân... Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về an toàn, an ninh thông tin và an ninh mạng.

Tổ chức huấn luyện, diễn tập, phòng ngừa sự cố, bảo đảm các điều kiện sẵn sàng đối phó, ứng cứu, khắc phục sự cố máy tính. Triển khai các phần mềm quản lý tài chính, tài sản, không dung tiền mặt trong nhà trường. Phấn đấu từ năm 2025-2026 thực hiện khoản thu thỏa thuận không dung tiền mặt. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các đơn vị nhà trường để có giải pháp xử lý kịp thời. Gắn kết quả thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin với việc xét thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân.

#### **5. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục hàng năm theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **6. Tổ chức thực hiện**

6.1. Ban giám hiệu nhà trường Thành lập BCD về “Chuyển đổi số” trong nhà trường, Ban chỉ đạo gồm có Ban giám hiệu, đoàn thanh niên, tổ trưởng chuyên môn, nhân viên kế toán, nhân viên y tế, của nhà trường. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường bám sát yêu cầu, mục tiêu, chuyển đổi số của ngành, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, thay đổi nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên về nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo, thích ứng với sự phát triển của xã hội số.

Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất cho Ban chỉ đạo cấp huyện về thực hiện Kế hoạch; các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch tại nhà trường. Chịu trách nhiệm về số liệu dạy và học trên các hệ thống: CSDL ngành....

6.2. Bộ phận kế toán Chủ trì tham mưu các nội dung liên quan để huy động nguồn lực triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch đảm bảo yêu cầu.

## **3. Đoàn Thanh niên, tổ chuyên môn, tổ văn phòng:**

Tuyên truyền, tạo phong trào trong đội ngũ CB-GV-NV thi đua thực hiện công tác “Chuyển đổi số” vào nội dung đánh giá thi đua năm học.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường Nghiên túc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại nhà trường, lớp học, tổ, nhóm, lớp phụ trách theo kế hoạch của Phòng VHXXH, của trường mầm non . Thực hiện tốt việc tuyên truyền, thay đổi nhận thức tới cha mẹ trẻ về nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo, thích ứng với sự phát triển của xã hội số. Kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong chuyển đổi số. Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường để hướng dẫn, tuyên truyền về các nội dung chuyển đổi số.

Triển khai sử dụng dịch vụ chi không dùng tiền mặt.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm học 2025-2026 của trường mầm non Nam Thanh, yêu cầu các đồng chí cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường căn cứ vào điều kiện thực tế để thực hiện nghiêm túc kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc xin được trao đổi, báo cáo cụ thể với BGH nhà trường.

### **Nơi nhận:**

- Trường MN NT (hscv)
- BGH, Đoàn thể, Kế toán (để t/h);
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị (để t/h);

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**MẦM NON**  
**NAM THANH**  
Nguyễn Thị Nhân



